::háng:: huáng :::tiān:::: de ::xuán::: yů:::: zhòu :huāng::: :::yuè::: yíng::: zè:::: 冽 1111 :áit: chén zhāng: :hán: :shŭ: wăng shōu dāng ∷cáng ...yù::: 调 shuāng gāng 別 chēng: zhū yè:: guāng nài zhòng:: :jiè:: jiāng :::hǎi::: :::hé:: ::dàn qián:: xiáng :cài:: 河 : lóng: 川市 năi :gưá:: : táng: shang: diào 道 qiāng wáng zhú bái chăng: :::úm::: shí căo wàn-:fāng: :::gài ::yǎng: liáng shāng zhēn

wăng guà néng ....ám.... wàng :::tán::: iiiibĭ iiii :duăn:: zhăng: liàng gāo yáng: :xián: kāng shēng: :::cht: :yuán:: shàn : qìng::: fēi :băo: :::cùn::: ::jìng::: yuē: 严 談 zhōng ::ming:: shēn :: qìng: 临 温 chuān: 如 dìng: chéng: ::zhōng:: ::lìng: zhèng vōu :dēng:: shì cáng shén yŏng: 益 chàng: shàng: 唱

:::wài:: ::::rù::::: : fèng:::: ...gū.... \_\_\_\_bó:\_\_\_ shū huái:: xiōng zhī 百 zhēn 慈 zào 离 非 :dàng shén măo: 乙 ::jiān::: :::chí:: yă: hǎo: 品 3 :jīng:: gāng : diàn:: jīng: bĭng: 兽 画 延延 shēna: biàn: zhuăn: tōng guǎng: 疑 纳 逋 fén chéng diăn::: ZUŎ dá∵ ming: :::qún: : yīng: 典 即 明 ア ::jīng: dù găo zhōng ::shū:: :xiāng: 经 : bīng: : 卿

gāo :guān: ...péi... ...niăn... ....gŭ..... :::zhèn::: ...yīng... míng qīng: 策 列 阿 件 王 găn dīng: :hàn 感 说 H :duō ∷shì∷∷ : níng::: :::jìn:: gèng bà:: zhào héng :::shí::: 包 虢 盟 会 :jiǎn yàng 敝 取 漠 马也 誉 ting: chéna kūn shí 鸡 围 dàng kuàng:: :ting:: :yuǎn::: yǎo : ::míng:: 绵邈 远 即 :::běn: 弘 务 gàng 税 熟 贡 赏 刹

:bĭng::: ::mèng :::dūn:: :shù::: zhōng:: yōng táo qiān biàn: liăng 逼 解 组 谁 :::qiú:: :::gŭ::: :::xún: yáo ::chén:: 谢 欢 招 :yuán: măng diāo 晚 飘 :yuán::: qiáng ::kŏu:: chōng \_yù:: pēng: kāng: 肠 shàn 纨 员

:mián :: ::zhòu:: :sŭn:: :xiàng:: chuáng: : xián::: ...gē.... 歌 jiǎσ kāng 顿 zhēng: cháng: 烝 祭 祀 简 :liáng: 热 凉 愿 驴骡 想 dào ::zhǎn::: wáng: zhū 琴 阮 啸 约 : qiǎo:: :miào:: 施 璇 到 晦 绥 矩 劭 zhuāng: lána: miào :מזֹנְ: huái:: 带矜 眺 但 愚 蒙 等 语 陋 耳 ¥ 和